

Số: 186 /TTr-UBND

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2017

**TỜ TRÌNH**

**Về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2018**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ công chức ngày 13/11/2008, Luật Viên chức ngày 15/11/2010 và các văn bản Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND Thành phố ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BNV ngày / /2017 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2017;

Căn cứ Công văn số /BNV-TCBC ngày / /2017 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2018;

UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố kết quả thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2017 và kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2018 của Thành phố như sau:

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 16/NQ-HĐND CỦA HĐND THÀNH PHỐ**

**1. Về tổ chức triển khai giao biên chế hành chính, sự nghiệp**

Ngày 09/12/2016, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 6768/QĐ-UBND về việc giao chỉ tiêu Kinh tế - xã hội và dự toán thu chi, ngân sách năm 2017 của thành phố Hà Nội, trong đó giao chỉ tiêu biên chế cho các đơn vị theo đúng số biên chế HĐND Thành phố giao. Việc giao chỉ tiêu biên chế được thực hiện khoa học, kịp thời để các cơ quan, đơn vị chủ động thực hiện ngay từ đầu năm. Số thực hiện trong năm luôn thấp hơn số HĐND Thành phố giao.

Trong năm 2017, UBND Thành phố đã báo cáo Thường trực HĐND Thành phố chấp thuận bố trí bổ sung 14 biên chế viên chức cho Trung tâm Mua sắm tập trung thuộc Sở Tài chính, 29 biên chế viên chức để thành lập Trường Trung học phổ thông Đông Mỹ từ nguồn biên chế dự phòng và biên chế dôi dư do sắp xếp.

**2. Về kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy**

a) Hoàn thành sắp xếp 70 Ban QLDA đầu tư xây dựng thành 41 Ban Quản lý dự án (giảm 41,4%).

b) Hoàn thành tổ chức lại Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội trên cơ sở hợp nhất Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố, Quỹ Phát triển đất Thành phố, Quỹ Bảo vệ môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Hoàn thành sắp xếp các đơn vị sự nghiệp cấp huyện:

- Sáp nhập các đơn vị Trung tâm Văn hóa, Nhà Văn hóa, Trung tâm Thể thao và Đài truyền thanh huyện thành Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao;

- Sáp nhập các Trung tâm phát triển cụm công nghiệp vào Ban Quản lý dự án. Sáp nhập 04 Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng 04 quận Trung tâm: Hoàn Kiếm, Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng vào Ban QLDA Quận.

- Sáp nhập Ban Bồi thường GPMB và Chi nhánh phát triển quỹ đất thành Trung tâm phát triển quỹ đất trực thuộc UBND cấp huyện quản lý.

d) Sáp nhập Trung tâm sát hạch để cấp phép lái xe trực thuộc Sở Giao thông vận tải vào Tổng Công ty Vận tải Hà Nội.

e) Chuyển 05 trường Trung cấp chuyên nghiệp và chức năng quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp từ Sở Giáo dục và đào tạo sang Sở Lao động - Thương binh và xã hội quản lý theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

Đây là lần kiện toàn sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế lớn nhất từ trước đến nay, Hà Nội là một trong địa phương đầu tiên triển khai quyết liệt và thành công, được Trung ương và dư luận đánh giá rất cao.

Hiện nay, còn 02 phương án sắp xếp tổ chức bộ máy đang triển khai:

- Việc chuyển Đội Thanh tra xây dựng quận, huyện, thị xã về UBND cấp huyện quản lý và đổi tên thành Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị: Ngày 09/11/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 117/NQ-CP đồng ý cho phép Hà Nội thí điểm thực hiện trong 02 năm. UBND Thành phố đang xây dựng Đề án thí điểm, phối hợp Bộ ngành liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Việc tổ chức lại bộ phận thường trực Ban Chỉ đạo GPMB Thành phố thành Văn phòng Ban Chỉ đạo GPMB: UBND Thành phố đã báo cáo và được Ban Thường vụ Thành ủy thông qua (Thông báo số 481-TB/TU ngày 02/12/2016), Bộ Nội vụ cũng đã có Văn bản đồng ý để Hà Nội trình cấp có thẩm quyền xem xét. Căn cứ chỉ đạo của Thường trực Thành ủy tại cuộc họp ngày 09/11/2017, UBND Thành phố đang triển khai sắp xếp, dự kiến hoàn thành trong tháng 12/2017 (trước mắt giao biên chế bằng số biên chế hiện có là 29, giảm 6 biên chế so với năm 2017 và sẽ kiện toàn, tinh giản theo mô hình tổ chức mới).

### 3. Về tinh giản biên chế

Thành phố đã tinh giản được 1.267 biên chế, gồm 282 biên chế công chức, 668 biên chế viên chức do sắp xếp tổ chức bộ máy, 317 biên chế theo phương án chuyển đơn vị sự nghiệp sang công ty cổ phần. Thành phố cũng đã giải quyết 551 trường hợp nghỉ tinh giản theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

Ngoài ra, để đẩy mạnh tinh giản biên chế làm cơ sở cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức, UBND Thành phố đã hoàn thành xây dựng Cơ chế đặc thù khuyến khích đối tượng nghỉ tự nguyện tinh giản biên chế báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nội vụ nghiên cứu, xem xét

#### 4. Về chuyển các đơn vị sự nghiệp sang cơ chế tự chủ và công ty cổ phần

Đã chuyển thêm được 05 đơn vị tự chủ kinh phí thường xuyên với 1.145 biên chế viên chức. Đến nay, toàn Thành phố đã chuyển được 95 đơn vị sang tự chủ, với 6.635 biên chế viên chức.

Đã xác định chuyển 05 đơn vị sự nghiệp công lập sang công ty cổ phần, trong đó có 01 đơn vị (Trung tâm sát hạch để cấp giấy phép lái xe thuộc Sở Giao thông) sáp nhập vào Tổng Công ty vận tải, còn 04 đơn vị đến ngày 17/7/2017 Thủ tướng Chính phủ mới ban hành Quyết định số 31/2017/QĐ-TTg về tiêu chí, danh mục ngành, lĩnh vực chuyển công ty cổ phần. Hiện nay, Thành phố đang triển khai thực hiện theo quy định.

#### 5. Về giải quyết các tồn tại về hợp đồng lao động theo định mức thực hiện nhiệm vụ Thanh tra xây dựng và Thanh tra giao thông

Thành phố đã yêu cầu Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải rà soát, giải quyết các tồn tại về hợp đồng lao động đối với lực lượng thanh tra xây dựng, thanh tra giao thông theo chỉ đạo của HĐND Thành phố. Một mặt, để đảm bảo đủ người thực thi công vụ, UBND Thành phố có Văn bản gửi Bộ Nội vụ kiến nghị điều chuyển 412 chỉ tiêu lao động hợp đồng Thanh tra Xây dựng và Thanh tra Giao thông sang biên chế hành chính theo định mức. Bộ Nội vụ đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét.

Nếu được Chính phủ đồng ý giao bổ sung biên chế công chức cho Thanh tra xây dựng và Thanh tra giao thông, UBND Thành phố sẽ thực hiện tuyển dụng thanh tra viên đảm bảo chất lượng theo quy định.

#### 6. Về đề án vị trí việc làm

UBND Thành phố đã phê duyệt xong Đề án vị trí việc làm các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (chỉ còn tồn tại 03 đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp chưa thực hiện, do đang chờ Thông tư hướng dẫn về mô hình tổ chức).

#### 7. Về công tác tuyển dụng công chức, viên chức

Thành phố đã thực hiện tuyển dụng công chức đối với 25 Thủ khoa xuất sắc, 283 công chức đối với các trường hợp có 5 năm kinh nghiệm, 204 viên chức của 10 cơ quan, đơn vị. Việc tuyển dụng viên chức giáo dục theo chỉ đạo của Thường trực Thành ủy tạm dừng. Đối với tuyển dụng công chức cơ sở, y tế cấp xã đang triển khai thực hiện.

#### 8. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Thành phố ban hành Quyết định số 2315/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020”, nhằm xây dựng đội ngũ công chức, viên chức chuyên nghiệp, đủ năng lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong tình hình mới. Các quận huyện, sở ngành đã hoàn thành kế hoạch đào tạo năm 2017. UBND Thành phố đã có kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng cho đối tượng là Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn theo tinh thần đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng (học tập trung 32 ngày/lớp).

## 9. Về công tác thanh tra, kiểm tra

Năm 2017, Thành phố chỉ đạo Sở Nội vụ thực hiện thanh tra 04 đơn vị về công tác quản lý biên chế, tiền lương, bổ nhiệm, tuyển dụng và sử dụng công chức, viên chức, người lao động; kiểm tra 20 đơn vị tại 08 quận huyện, 08 Sở ngành và 04 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành phố; kiểm tra công vụ đột xuất 32 đơn vị.

Qua thanh tra, kiểm tra đã kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh một số tồn tại, thiếu sót tại các cơ quan, đơn vị để nâng cao ý thức, trách nhiệm và thái độ phục vụ công dân và các tổ chức tốt hơn.

## 10. Về ứng dụng công nghệ thông tin

Ngày 31/12/2016, UBND Thành phố ban hành Kế hoạch số 246/KH-UBND về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước thành phố Hà Nội năm 2017 và tổ chức triển khai thực hiện với mục tiêu: đẩy mạnh triển khai và khai thác có hiệu quả các ứng dụng CNTT để xây dựng chính quyền điện tử, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các sở, ban, ngành, các quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn nhằm phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

## II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2018

### 1. Quan điểm và căn cứ xây dựng kế hoạch

Quán triệt Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII; thực hiện tinh giản biên chế đến năm 2021 tối thiểu 10%.

#### a) Biên chế công chức hành chính

- Biên chế công chức năm 2018 giảm 2,5% biên chế giao năm 2015 (theo số liệu Bộ Nội vụ đang báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét).

- Biên chế được phân bổ cho các sở ngành, quận, huyện, thị xã trên cơ sở chức năng nhiệm vụ, đề án vị trí việc làm và công việc được giao.

#### b) Biên chế viên chức sự nghiệp

- Đối với các đơn vị thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế: Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 39-NQ/TW và Nghị quyết Trung ương 6, đồng thời đảm bảo thực hiện được các mục tiêu giáo dục, y tế theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI đã đề ra, thực hiện giao biên chế đúng định mức quy định tại các Thông tư của Bộ ngành, có tính đến khả năng tuyển sinh, chiều hướng phát triển trong thời gian tới.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp ngoài giáo dục, y tế: Thực hiện giảm 2% biên chế viên chức giao năm 2016 theo chủ trương tinh giản biên chế và giảm biên chế do sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Tập trung chuyển mạnh các đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ, làm cơ sở giảm chi ngân sách, giảm biên chế.

c) Chỉ tiêu lao động hợp đồng định mức (giao cho lực lượng Thanh tra Xây dựng, Thanh tra giao thông)

Tạm thời giữ nguyên như hiện nay để đảm bảo có người thực hiện nhiệm vụ được giao, UBND Thành phố sẽ thực hiện điều chỉnh sau khi có ý kiến của Thủ tướng chính phủ đối với đề xuất bổ sung biên chế của UBND Thành phố đã được Bộ Nội vụ nhất trí.

d) Chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (gồm nhân viên bảo vệ, lái xe, tạp vụ, kỹ thuật điện nước)

Thực hiện chủ trương tinh giản theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6, đặc biệt giảm chỉ tiêu lái xe tại các cơ quan hành chính được giao thí điểm khoán xe công.

## **2. Kế hoạch sử dụng biên chế năm 2018**

Xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của Thành phố trong năm 2018 và căn cứ nêu trên, UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố xem xét về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp của Thành phố năm 2018 như sau:

a) Biên chế hành chính: 10.661 biên chế, trong đó:

- Biên chế công chức: 8.891 biên chế (trong đó dự phòng: 08 biên chế), giảm 225 biên chế (giảm thêm tỷ lệ 1% so với năm 2017 theo Kết luận số 17-KL/TW ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị).

Điều chỉnh một số biên chế của các cơ quan, đơn vị do chuyển chức năng, nhiệm vụ và thực hiện theo đề án vị trí việc làm (có phụ lục kèm theo).

- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 1.358 chỉ tiêu, giảm 11 chỉ tiêu lái xe tại 08 cơ quan được giao thí điểm khoán xe công.

- Lao động hợp đồng theo định mức: 412 chỉ tiêu (không thay đổi).

b) Biên chế sự nghiệp: 148.822 biên chế, trong đó:

- Biên chế viên chức: 127.933 biên chế (trong đó dự phòng: 476 biên chế), giảm 7.190 biên chế (5,3%) so với năm 2017, gồm:

- + Tăng 1.816 biên chế cho lĩnh vực giáo dục, y tế (y tế: 427, giáo dục 1.389) theo đúng định mức quy định tại các Thông tư của Bộ Nội vụ và Bộ Chuyên ngành.

- + Giảm 108 biên chế theo tỷ lệ giảm 2% đơn vị sự nghiệp khác.

- + Giảm 137 biên chế do sắp xếp tổ chức bộ máy.

- + Giảm 8.761 biên chế do chuyển đơn vị sang tự chủ chi thường xuyên.

Sau khi HĐND Thành phố thông qua, UBND Thành phố sẽ ban hành Quyết định phê duyệt danh sách các đơn vị thực hiện tự chủ theo đúng Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó có điều chỉnh một số cơ quan đơn vị để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ và theo vị trí việc làm (có biểu chi tiết kèm theo).

- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 11.568 chỉ tiêu, giảm 1.137 chỉ tiêu (8,9%) so với năm 2017 do chuyển chỉ tiêu theo các đơn vị tự chủ và giảm do sắp xếp.

- Lao động hợp đồng theo định mức: 9.321 chỉ tiêu. Tăng 411 chỉ tiêu để bố trí đủ nhu cầu nhân viên nuôi dưỡng trong trường mầm non theo định mức quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDDT-BNV.

### **III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP**

Để quản lý và sử dụng có hiệu quả quỹ biên chế được giao, UBND Thành phố đề xuất một số giải pháp sau:

1. Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

#### **2. Về sắp xếp tổ chức bộ máy**

- Tiếp tục hoàn thành sắp xếp các cơ quan đơn vị: Đội Thanh tra xây dựng, các Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp, Trung tâm Điều hành và giám sát công nghệ thông tin Thành phố. Chủ động sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6, khóa XII.

- Đẩy mạnh chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp (đặc biệt là giáo dục, y tế) sang cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Xác định rõ lộ trình chuyển đổi phù hợp với lộ trình tinh giản biên chế đến năm 2021.

#### **3. Về quản lý, sử dụng biên chế**

- Thường xuyên rà soát, điều chỉnh đề án vị trí việc làm cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn quản lý, đề án vị trí việc làm thực sự phát huy tối đa hiệu quả. Yêu cầu cơ quan, đơn vị xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm đã được Thành phố phê duyệt; rà soát cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm để sắp xếp, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, ... nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Đổi mới công tác tuyển dụng công chức, viên chức theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII, trong đó đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tin học vào tuyển dụng, đảm bảo tối đa nguyên tắc cạnh tranh khách quan, công bằng, minh bạch, thực tài, chống tiêu cực trong thi cử, nâng cao chất lượng đầu vào của công chức, viên chức. Giao Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị điều chuyển công chức, viên chức từ nơi thừa sang nơi thiếu trước khi tuyển dụng.

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo chương trình, kế hoạch đề ra, trong đó coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, kỹ năng xử lý công việc, tác phong công tác, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cán bộ, công chức, viên chức.

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, đề cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện tinh giản biên chế. Tiếp tục kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép ban hành cơ chế đặc thù của Thành phố khuyến khích các đối tượng tự nguyện nghỉ tinh giản biên chế.

- Nâng cao chất lượng đánh giá công chức, viên chức; nghiên cứu tiêu chí định lượng trong việc đánh giá trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật và bổ nhiệm cán bộ. Thực hiện đánh giá hàng tháng, quý, 6 tháng và một năm nhằm đánh giá đúng người, đúng việc và khen thưởng, kỷ luật kịp thời.

- Tập trung giải pháp công nghệ thông tin để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản lý nhà nước. Có bước đi phù hợp tiến tới tích hợp dữ liệu dùng chung, đồng bộ trên toàn Thành phố.

#### 4. Về công tác thanh, kiểm tra

Tăng cường thanh tra, kiểm tra về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, chế độ chính sách cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị để thực hiện đúng quy định; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những thiếu sót, sai phạm.

UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2017 và Kế hoạch sử dụng biên chế của thành phố Hà Nội năm 2018.

Kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết nghị./.

#### Nơi nhận:

- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Các đại biểu HĐND TP;
- Ban Pháp chế HĐND TP;
- Các Sở: Nội vụ, KH&ĐT, Tài chính;
- VPUBNDTP: CVP, các PCVP, TH, NC, TKBT;
- Lưu: VT. *ll*





**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2018**  
(Kèm theo Tờ trình số: 186 /TT-UBND ngày 22/4/2017 của UBND Thành phố)

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                             | BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO<br>NĂM 2017 |                       |                                                      |                          | SỐ CÓ MẶT ĐẾN 30/9/2017 |                       |                                                      |                          |                          | KẾ HOẠCH SỬ DỤNG<br>BIÊN CHẾ NĂM 2018 |                       |                                                      |                          | TĂNG, GIẢM SO VỚI<br>NĂM 2017 |                       |                                                      |                          |
|-----|----------------------------------------|--------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|--------------------------|
|     |                                        | Tổng<br>cộng                   | Trong đó              |                                                      |                          | Tổng<br>cộng            | Trong đó:             |                                                      |                          |                          | Tổng<br>cộng                          | Trong đó              |                                                      |                          | Tổng<br>cộng                  | Trong đó              |                                                      |                          |
|     |                                        |                                | Biên chế<br>công chức | LĐHĐ<br>theo<br>Nghị<br>định số<br>68/2000/<br>NĐ-CP | LĐHĐ<br>theo<br>định mức |                         | Biên chế<br>công chức | LĐHĐ<br>theo<br>Nghị<br>định số<br>68/2000/<br>NĐ-CP | LĐHĐ<br>theo<br>định mức | LĐHĐ<br>chờ thi<br>tuyển |                                       | Biên chế<br>công chức | LĐHĐ<br>theo<br>Nghị<br>định số<br>68/2000/<br>NĐ-CP | LĐHĐ<br>theo<br>định mức |                               | Biên chế<br>công chức | LĐHĐ<br>theo<br>Nghị<br>định số<br>68/2000/<br>NĐ-CP | LĐHĐ<br>theo<br>định mức |
|     | Tổng cộng toàn thành phố               | 10 897                         | 9 116                 | 1 369                                                | 412                      | 10 710                  | 8 247                 | 1 232                                                | 412                      | 819                      | 10 661                                | 8 891                 | 1 358                                                | 412                      | - 236                         | - 225                 | - 11                                                 |                          |
|     | Khối Sở ngành                          | 5 125                          | 4 153                 | 785                                                  | 187                      | 4 851                   | 3 730                 | 686                                                  | 187                      | 248                      | 5 016                                 | 4 051                 | 778                                                  | 187                      | - 109                         | - 102                 | - 7                                                  |                          |
|     | Khối Quận huyện                        | 5 759                          | 4 950                 | 584                                                  | 225                      | 5 859                   | 4 517                 | 546                                                  | 225                      | 571                      | 5 637                                 | 4 832                 | 580                                                  | 225                      | - 122                         | - 118                 | - 4                                                  |                          |
|     | Biên chế dự phòng                      | 13                             | 13                    |                                                      |                          |                         |                       |                                                      |                          |                          | 8                                     | 8                     |                                                      |                          | - 5                           | - 5                   |                                                      |                          |
| I   | Khối Sở ngành                          | 5 125                          | 4 153                 | 785                                                  | 187                      | 4 851                   | 3 730                 | 686                                                  | 187                      | 248                      | 5 016                                 | 4 051                 | 778                                                  | 187                      | - 109                         | - 102                 | - 7                                                  |                          |
| 1   | Văn phòng UBND Thành phố               | 199                            | 145                   | 54                                                   |                          | 190                     | 135                   | 52                                                   |                          | 3                        | 195                                   | 141                   | 54                                                   |                          | - 4                           | - 4                   |                                                      |                          |
| 2   | Văn phòng HĐND Thành phố               | 67                             | 53                    | 14                                                   |                          | 58                      | 44                    | 14                                                   |                          |                          | 66                                    | 52                    | 14                                                   |                          | - 1                           | - 1                   |                                                      |                          |
| 3   | Sở Thông tin và Truyền thông           | 88                             | 75                    | 13                                                   |                          | 74                      | 67                    | 7                                                    |                          |                          | 86                                    | 73                    | 13                                                   |                          | - 2                           | - 2                   |                                                      |                          |
| 4   | Sở Nội vụ                              | 174                            | 133                   | 41                                                   |                          | 143                     | 114                   | 29                                                   |                          |                          | 171                                   | 130                   | 41                                                   |                          | - 3                           | - 3                   |                                                      |                          |
| 5   | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 809                            | 628                   | 181                                                  |                          | 765                     | 585                   | 178                                                  |                          | 2                        | 793                                   | 612                   | 181                                                  |                          | - 16                          | - 16                  |                                                      |                          |
| 6   | Sở Công Thương                         | 815                            | 712                   | 103                                                  |                          | 768                     | 668                   | 94                                                   |                          | 6                        | 796                                   | 693                   | 103                                                  |                          | - 19                          | - 19                  |                                                      |                          |
| 7   | Sở Kế hoạch và Đầu tư                  | 182                            | 165                   | 17                                                   |                          | 174                     | 157                   | 17                                                   |                          |                          | 178                                   | 161                   | 17                                                   |                          | - 4                           | - 4                   |                                                      |                          |
| 8   | Sở Tài chính                           | 254                            | 234                   | 20                                                   |                          | 221                     | 207                   | 6                                                    |                          | 8                        | 243                                   | 225                   | 18                                                   |                          | - 11                          | - 9                   | - 2                                                  |                          |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                                         | BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO<br>NĂM 2017 |                       |                                                      |                          | SỐ CÓ MẶT ĐẾN 30/9/2017 |                       |                                                      |                             |                          | KẾ HOẠCH SỬ DỤNG<br>BIÊN CHẾ NĂM 2018 |                       |                                                      |                             | TĂNG, GIẢM SO VỚI<br>NĂM 2017 |                       |                                                      |                          |
|-----|----------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------|---------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|--------------------------|
|     |                                                    | Tổng<br>cộng                   | Trong đó              |                                                      |                          | Tổng<br>cộng            | Trong đó:             |                                                      |                             |                          | Tổng<br>cộng                          | Trong đó              |                                                      |                             | Tổng<br>cộng                  | Trong đó              |                                                      |                          |
|     |                                                    |                                | Biên chế<br>công chức | LĐHD<br>theo<br>Nghị<br>định số<br>68/2000/<br>NĐ-CP | LĐHD<br>theo<br>định mức |                         | Biên chế<br>công chức | LĐHD<br>theo<br>Nghị<br>định số<br>68/2000/<br>NĐ-CP | LĐHD<br>theo<br>định<br>mức | LĐHD<br>chờ thi<br>tuyển |                                       | Biên chế<br>công chức | LĐHD<br>theo<br>Nghị<br>định số<br>68/2000/<br>NĐ-CP | LĐHD<br>theo<br>định<br>mức |                               | Biên chế<br>công chức | LĐHD<br>theo<br>Nghị<br>định số<br>68/2000/<br>NĐ-CP | LĐHD<br>theo<br>định mức |
| 9   | Sở Xây dựng                                        | 250                            | 210                   | 23                                                   | 17                       | 264                     | 185                   | 23                                                   | 17                          | 39                       | 251                                   | 211                   | 23                                                   | 17                          | 1                             | 1                     |                                                      |                          |
| 10  | Sở Giao thông Vận tải                              | 740                            | 447                   | 123                                                  | 170                      | 713                     | 368                   | 109                                                  | 170                         | 66                       | 727                                   | 436                   | 121                                                  | 170                         | - 13                          | - 11                  | - 2                                                  |                          |
| 11  | Sở Khoa học và Công nghệ                           | 127                            | 108                   | 19                                                   |                          | 105                     | 87                    | 16                                                   |                             | 2                        | 124                                   | 105                   | 19                                                   |                             | - 3                           | - 3                   |                                                      |                          |
| 12  | Sở Lao động Thương binh và Xã hội                  | 176                            | 159                   | 17                                                   |                          | 166                     | 151                   | 15                                                   |                             |                          | 169                                   | 155                   | 14                                                   |                             | - 7                           | - 4                   | - 3                                                  |                          |
| 13  | Sở Giáo dục và đào tạo                             | 158                            | 138                   | 20                                                   |                          | 136                     | 118                   | 17                                                   |                             | 1                        | 154                                   | 134                   | 20                                                   |                             | - 4                           | - 4                   |                                                      |                          |
| 14  | Sở Y tế                                            | 194                            | 161                   | 33                                                   |                          | 170                     | 138                   | 15                                                   |                             | 17                       | 190                                   | 157                   | 33                                                   |                             | - 4                           | - 4                   |                                                      |                          |
| 15  | Sở Văn hóa và Thể thao                             | 132                            | 116                   | 16                                                   |                          | 135                     | 107                   | 15                                                   |                             | 13                       | 129                                   | 113                   | 16                                                   |                             | - 3                           | - 3                   |                                                      |                          |
| 16  | Sở Du lịch                                         | 67                             | 58                    | 9                                                    |                          | 66                      | 42                    | 7                                                    |                             | 17                       | 65                                    | 56                    | 9                                                    |                             | - 2                           | - 2                   |                                                      |                          |
| 17  | Sở Tư pháp                                         | 89                             | 79                    | 10                                                   |                          | 86                      | 73                    | 7                                                    |                             | 6                        | 86                                    | 76                    | 10                                                   |                             | - 3                           | - 3                   |                                                      |                          |
| 18  | Sở Ngoại vụ                                        | 43                             | 35                    | 8                                                    |                          | 41                      | 28                    | 9                                                    |                             | 4                        | 42                                    | 34                    | 8                                                    |                             | - 1                           | - 1                   |                                                      |                          |
| 19  | Sở Tài nguyên và Môi trường                        | 182                            | 166                   | 16                                                   |                          | 214                     | 154                   | 13                                                   |                             | 47                       | 185                                   | 169                   | 16                                                   |                             | 3                             | 3                     |                                                      |                          |
| 20  | Sở Quy hoạch Kiến trúc                             | 110                            | 95                    | 15                                                   |                          | 110                     | 81                    | 15                                                   |                             | 14                       | 107                                   | 92                    | 15                                                   |                             | - 3                           | - 3                   |                                                      |                          |
| 21  | Thanh tra Thành phố                                | 130                            | 122                   | 8                                                    |                          | 126                     | 119                   | 7                                                    |                             |                          | 127                                   | 119                   | 8                                                    |                             | - 3                           | - 3                   |                                                      |                          |
| 22  | Ban Dân tộc                                        | 29                             | 21                    | 8                                                    |                          | 27                      | 19                    | 8                                                    |                             |                          | 29                                    | 21                    | 8                                                    |                             |                               |                       |                                                      |                          |
| 23  | Ban chỉ đạo GPMB Thành phố                         | 43                             | 35                    | 8                                                    |                          | 34                      | 29                    | 5                                                    |                             |                          | 37                                    | 29                    | 8                                                    |                             | - 6                           | - 6                   |                                                      |                          |
| 24  | Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội | 67                             | 58                    | 9                                                    |                          | 65                      | 54                    | 8                                                    |                             | 3                        | 66                                    | 57                    | 9                                                    |                             | - 1                           | - 1                   |                                                      |                          |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ             | BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO<br>NĂM 2017 |                       |                                                      |                          | SỐ CÓ MẶT ĐẾN 30/9/2017 |                       |                                                      |                             |                          | KẾ HOẠCH SỬ DỤNG<br>BIÊN CHẾ NĂM 2018 |                       |                                                      |                             | TĂNG, GIẢM SO VỚI<br>NĂM 2017 |                       |                                                      |                          |
|-----|------------------------|--------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------|---------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|--------------------------|
|     |                        | Tổng<br>cộng                   | Trong đó              |                                                      |                          | Tổng<br>cộng            | Trong đó:             |                                                      |                             |                          | Tổng<br>cộng                          | Trong đó              |                                                      |                             | Tổng<br>cộng                  | Trong đó              |                                                      |                          |
|     |                        |                                | Biên chế<br>công chức | LĐHĐ<br>theo<br>Nghị<br>định số<br>68/2000/<br>NĐ-CP | LĐHĐ<br>theo<br>định mức |                         | Biên chế<br>công chức | LĐHĐ<br>theo<br>Nghị<br>định số<br>68/2000/<br>NĐ-CP | LĐHĐ<br>theo<br>định<br>mức | LĐHĐ<br>chờ thi<br>tuyển |                                       | Biên chế<br>công chức | LĐHĐ<br>theo<br>Nghị<br>định số<br>68/2000/<br>NĐ-CP | LĐHĐ<br>theo<br>định<br>mức |                               | Biên chế<br>công chức | LĐHĐ<br>theo<br>Nghị<br>định số<br>68/2000/<br>NĐ-CP | LĐHĐ<br>theo<br>định mức |
| II  | Khối Quận huyện        | 5 759                          | 4 950                 | 584                                                  | 225                      | 5 859                   | 4 517                 | 546                                                  | 225                         | 571                      | 5 637                                 | 4 832                 | 580                                                  | 225                         | - 122                         | - 118                 | - 4                                                  |                          |
| 1   | UBND Quận Hoàn Kiếm    | 237                            | 196                   | 28                                                   | 13                       | 268                     | 182                   | 26                                                   | 13                          | 47                       | 233                                   | 192                   | 28                                                   | 13                          | - 4                           | - 4                   |                                                      |                          |
| 2   | UBND Quận Hai Bà Trưng | 270                            | 208                   | 32                                                   | 30                       | 316                     | 180                   | 31                                                   | 30                          | 75                       | 264                                   | 202                   | 32                                                   | 30                          | - 6                           | - 6                   |                                                      |                          |
| 3   | UBND Quận Ba Đình      | 211                            | 180                   | 18                                                   | 13                       | 214                     | 171                   | 10                                                   | 13                          | 20                       | 207                                   | 176                   | 18                                                   | 13                          | - 4                           | - 4                   |                                                      |                          |
| 4   | UBND Quận Đống Đa      | 270                            | 220                   | 28                                                   | 22                       | 262                     | 206                   | 26                                                   | 22                          | 8                        | 266                                   | 216                   | 28                                                   | 22                          | - 4                           | - 4                   |                                                      |                          |
| 5   | UBND Quận Tây Hồ       | 183                            | 156                   | 17                                                   | 10                       | 177                     | 145                   | 17                                                   | 10                          | 5                        | 180                                   | 153                   | 17                                                   | 10                          | - 3                           | - 3                   |                                                      |                          |
| 6   | UBND Quận Thanh Xuân   | 184                            | 156                   | 18                                                   | 10                       | 215                     | 137                   | 15                                                   | 10                          | 53                       | 179                                   | 151                   | 18                                                   | 10                          | - 5                           | - 5                   |                                                      |                          |
| 7   | UBND Quận Cầu Giấy     | 175                            | 152                   | 17                                                   | 6                        | 190                     | 139                   | 17                                                   | 6                           | 28                       | 175                                   | 152                   | 17                                                   | 6                           |                               |                       |                                                      |                          |
| 8   | UBND Quận Hoàng Mai    | 209                            | 173                   | 17                                                   | 19                       | 200                     | 164                   | 17                                                   | 19                          |                          | 206                                   | 170                   | 17                                                   | 19                          | - 3                           | - 3                   |                                                      |                          |
| 9   | UBND Quận Long Biên    | 198                            | 163                   | 15                                                   | 20                       | 208                     | 153                   | 9                                                    | 20                          | 26                       | 196                                   | 163                   | 13                                                   | 20                          | - 2                           |                       | - 2                                                  |                          |
| 10  | UBND Quận Nam Từ Liêm  | 181                            | 153                   | 20                                                   | 8                        | 195                     | 121                   | 20                                                   | 8                           | 46                       | 176                                   | 148                   | 20                                                   | 8                           | - 5                           | - 5                   |                                                      |                          |
| 11  | UBND Quận Bắc Từ Liêm  | 186                            | 158                   | 20                                                   | 8                        | 214                     | 132                   | 20                                                   | 8                           | 54                       | 181                                   | 153                   | 20                                                   | 8                           | - 5                           | - 5                   |                                                      |                          |
| 12  | UBND Quận Hà Đông      | 211                            | 191                   | 20                                                   |                          | 194                     | 174                   | 20                                                   |                             |                          | 205                                   | 185                   | 20                                                   |                             | - 6                           | - 6                   |                                                      |                          |
| 13  | UBND Huyện Thanh Trì   | 217                            | 188                   | 19                                                   | 10                       | 208                     | 177                   | 16                                                   | 10                          | 5                        | 213                                   | 185                   | 18                                                   | 10                          | - 4                           | - 3                   | - 1                                                  |                          |
| 14  | UBND Huyện Gia Lâm     | 219                            | 195                   | 24                                                   |                          | 228                     | 185                   | 23                                                   |                             | 20                       | 214                                   | 191                   | 23                                                   |                             | - 5                           | - 4                   | - 1                                                  |                          |
| 15  | UBND Huyện Đông Anh    | 246                            | 208                   | 12                                                   | 26                       | 236                     | 194                   | 12                                                   | 26                          | 4                        | 242                                   | 204                   | 12                                                   | 26                          | - 4                           | - 4                   |                                                      |                          |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ            | BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO<br>NĂM 2017 |                          |                                                      |                          | SỐ CÓ MẶT ĐẾN 30/9/2017 |                       |                                                      |                             |                          | KẾ HOẠCH SỬ DỤNG<br>BIÊN CHẾ NĂM 2018 |                          |                                                      |                             | TĂNG, GIẢM SO VỚI<br>NĂM 2017 |                       |                                                      |                          |
|-----|-----------------------|--------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------|---------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|--------------------------|
|     |                       | Tổng<br>cộng                   | Trong đó                 |                                                      |                          | Tổng<br>cộng            | Trong đó:             |                                                      |                             |                          | Tổng<br>cộng                          | Trong đó                 |                                                      |                             | Tổng<br>cộng                  | Trong đó              |                                                      |                          |
|     |                       |                                | Biên chế<br>công<br>chức | LĐHD<br>theo<br>Nghị<br>định số<br>68/2000/<br>NĐ-CP | LĐHD<br>theo<br>định mức |                         | Biên chế<br>công chức | LĐHD<br>theo<br>Nghị<br>định số<br>68/2000/<br>NĐ-CP | LĐHD<br>theo<br>định<br>mức | LĐHD<br>chờ thi<br>tuyển |                                       | Biên chế<br>công<br>chức | LĐHD<br>theo<br>Nghị<br>định số<br>68/2000/<br>NĐ-CP | LĐHD<br>theo<br>định<br>mức |                               | Biên chế<br>công chức | LĐHD<br>theo<br>Nghị<br>định số<br>68/2000/<br>NĐ-CP | LĐHD<br>theo<br>định mức |
| 16  | UBND Huyện Sóc Sơn    | 265                            | 215                      | 20                                                   | 30                       | 259                     | 212                   | 14                                                   | 30                          | 3                        | 262                                   | 212                      | 20                                                   | 30                          | - 3                           | - 3                   |                                                      |                          |
| 17  | UBND Huyện Ba Vì      | 186                            | 165                      | 21                                                   |                          | 192                     | 147                   | 18                                                   |                             | 27                       | 180                                   | 159                      | 21                                                   |                             | - 6                           | - 6                   |                                                      |                          |
| 18  | UBND Thị xã Sơn Tây   | 187                            | 164                      | 23                                                   |                          | 187                     | 141                   | 26                                                   |                             | 20                       | 183                                   | 160                      | 23                                                   |                             | - 4                           | - 4                   |                                                      |                          |
| 19  | UBND Huyện Thạch Thất | 158                            | 146                      | 12                                                   |                          | 151                     | 140                   | 11                                                   |                             |                          | 155                                   | 143                      | 12                                                   |                             | - 3                           | - 3                   |                                                      |                          |
| 20  | UBND Huyện Phúc Thọ   | 149                            | 135                      | 14                                                   |                          | 176                     | 127                   | 6                                                    |                             | 43                       | 146                                   | 132                      | 14                                                   |                             | - 3                           | - 3                   |                                                      |                          |
| 21  | UBND Huyện Đan Phượng | 159                            | 136                      | 23                                                   |                          | 167                     | 125                   | 23                                                   |                             | 19                       | 155                                   | 132                      | 23                                                   |                             | - 4                           | - 4                   |                                                      |                          |
| 22  | UBND Huyện Hoài Đức   | 158                            | 146                      | 12                                                   |                          | 182                     | 133                   | 9                                                    |                             | 40                       | 154                                   | 142                      | 12                                                   |                             | - 4                           | - 4                   |                                                      |                          |
| 23  | UBND Huyện Quốc Oai   | 171                            | 147                      | 24                                                   |                          | 168                     | 144                   | 24                                                   |                             |                          | 168                                   | 144                      | 24                                                   |                             | - 3                           | - 3                   |                                                      |                          |
| 24  | UBND Huyện Chương Mỹ  | 172                            | 148                      | 24                                                   |                          | 187                     | 145                   | 42                                                   |                             |                          | 170                                   | 146                      | 24                                                   |                             | - 2                           | - 2                   |                                                      |                          |
| 25  | UBND Huyện Thanh Oai  | 143                            | 131                      | 12                                                   |                          | 135                     | 111                   | 14                                                   |                             | 10                       | 137                                   | 125                      | 12                                                   |                             | - 6                           | - 6                   |                                                      |                          |
| 27  | UBND Huyện Thường tín | 156                            | 143                      | 13                                                   |                          | 162                     | 132                   | 15                                                   |                             | 15                       | 151                                   | 138                      | 13                                                   |                             | - 5                           | - 5                   |                                                      |                          |
| 27  | UBND Huyện Ứng Hòa    | 164                            | 140                      | 24                                                   |                          | 142                     | 122                   | 20                                                   |                             |                          | 159                                   | 135                      | 24                                                   |                             | - 5                           | - 5                   |                                                      |                          |
| 28  | UBND Huyện Phú Xuyên  | 156                            | 141                      | 15                                                   |                          | 129                     | 117                   | 12                                                   |                             |                          | 151                                   | 136                      | 15                                                   |                             | - 5                           | - 5                   |                                                      |                          |
| 29  | UBND Huyện Mỹ Đức     | 167                            | 143                      | 24                                                   |                          | 161                     | 134                   | 24                                                   |                             | 3                        | 163                                   | 139                      | 24                                                   |                             | - 4                           | - 4                   |                                                      |                          |
| 30  | UBND Huyện Mê Linh    | 171                            | 153                      | 18                                                   |                          | 136                     | 127                   | 9                                                    |                             |                          | 166                                   | 148                      | 18                                                   |                             | - 5                           | - 5                   |                                                      |                          |

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2018  
(Kèm theo Tờ trình số: 186 /TTr-UBND ngày 22 / 11 /2017 của UBND Thành phố)

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                                                       | Số lượng đơn vị | BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2017 |                    |                                      |                    | SỐ CÓ MẶT ĐẾN 30/9/2017 |                    |                                      |                    |                    | Số lượng đơn vị | KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2018 |                    |                                      |                    | TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2017 |                    |                                      |                    |
|-----|------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|-------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|--------------------|-----------------|------------------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|----------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|
|     |                                                                  |                 | Tổng cộng                   | Trong đó           |                                      |                    | Tổng cộng               | Trong đó:          |                                      |                    |                    |                 | Tổng cộng                          | Trong đó           |                                      |                    | Tổng cộng                  | Trong đó           |                                      |                    |
|     |                                                                  |                 |                             | Biên chế viên chức | LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LĐHD theo định mức |                         | Biên chế viên chức | LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LĐHD theo định mức | LĐHD chờ thi tuyển |                 |                                    | Biên chế viên chức | LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LĐHD theo định mức |                            | Biên chế viên chức | LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LĐHD theo định mức |
|     | TỔNG CỘNG                                                        | 2 504           | 147 073                     | 126 362            | 11 801                               | 8 910              | 135 508                 | 110 102            | 9 846                                | 7 445              | 8 115              | 2 529           | 148 822                            | 127 933            | 11 568                               | 9 321              | 1 749                      | 1 571              | - 233                                | 411                |
| 1   | Khối sự nghiệp giáo dục                                          | 2 166           | 116 149                     | 99 577             | 8 046                                | 8 526              | 106 398                 | 89 728             | 7 052                                | 7 119              | 2 499              | 2 194           | 117 800                            | 100 953            | 7 907                                | 8 940              | 1 651                      | 1 376              | - 139                                | 414                |
| a   | Khối Đại học, Cao đẳng Sư phạm                                   | 2               | 627                         | 598                | 29                                   |                    | 535                     | 515                | 20                                   |                    |                    | 2               | 633                                | 604                | 29                                   |                    | 6                          | 6                  |                                      |                    |
| b   | Khối các trường Cao đẳng nghề                                    | 11              | 1 849                       | 1 734              | 115                                  |                    | 1 658                   | 1 421              | 78                                   |                    | 159                | 11              | 1 834                              | 1 722              | 112                                  |                    | - 15                       | - 12               | - 3                                  |                    |
| c   | Khối các trường Trung cấp chuyên nghiệp, TTGDTX - GD nghề nghiệp | 40              | 1 712                       | 1 482              | 230                                  |                    | 1 561                   | 1 315              | 194                                  |                    | 52                 | 40              | 1 687                              | 1 460              | 223                                  | 4                  | - 25                       | - 22               | - 7                                  | 4                  |
| d   | Khối giáo dục phổ thông                                          | 2 113           | 111 961                     | 95 763             | 7 672                                | 8 526              | 102 644                 | 86 477             | 6 760                                | 7 119              | 2 288              | 2 141           | 113 646                            | 97 167             | 7 543                                | 8 936              | 1 685                      | 1 404              | - 129                                | 410                |
|     | + THPT                                                           | 110             | 10 371                      | 9 854              | 517                                  |                    | 9 616                   | 9 103              | 438                                  |                    | 75                 | 111             | 10 333                             | 9 816              | 507                                  | 10                 | - 38                       | - 38               | - 10                                 | 10                 |
|     | + THCS                                                           | 588             | 25 914                      | 23 834             | 2 075                                | 5                  | 24 020                  | 21 311             | 1 869                                | 4                  | 836                | 592             | 26 542                             | 24 470             | 2 066                                | 6                  | 628                        | 636                | - 9                                  | 1                  |
|     | + Tiểu học                                                       | 675             | 30 061                      | 27 637             | 2 416                                | 8                  | 28 042                  | 25 244             | 2 215                                | 8                  | 575                | 685             | 30 822                             | 28 408             | 2 406                                | 8                  | 761                        | 771                | - 10                                 |                    |
|     | + Mầm non                                                        | 735             | 45 490                      | 34 331             | 2 646                                | 8 513              | 40 848                  | 30 726             | 2 220                                | 7 107              | 795                | 748             | 45 815                             | 34 357             | 2 546                                | 8 912              | 325                        | 26                 | - 100                                | 399                |
|     | + Khác (khuyết tật, nhà trẻ cơ quan...)                          | 5               | 125                         | 107                | 18                                   |                    | 118                     | 93                 | 18                                   |                    | 7                  | 5               | 134                                | 116                | 18                                   |                    | 9                          | 9                  |                                      |                    |
| 2   | Khối sự nghiệp Y tế - Xã hội                                     | 124             | 22 610                      | 19 777             | 2 833                                |                    | 21 702                  | 15 843             | 2 220                                |                    | 3 639              | 124             | 23 016                             | 20 204             | 2 812                                |                    | 406                        | 427                | - 21                                 |                    |
| a   | Khối Bệnh viện                                                   | 34              | 9 171                       | 8 477              | 694                                  |                    | 8 730                   | 6 754              | 514                                  |                    | 1 462              | 34              | 9 524                              | 8 838              | 686                                  |                    | 353                        | 361                | - 8                                  |                    |
| b   | Khối Trung tâm chuyên khoa                                       | 5               | 957                         | 834                | 123                                  |                    | 980                     | 723                | 89                                   |                    | 168                | 5               | 953                                | 840                | 113                                  |                    | - 4                        | 6                  | - 10                                 |                    |
| c   | Khối Trung Y tế quận, huyện, thị xã                              | 30              | 9 328                       | 8 388              | 940                                  |                    | 9 078                   | 6 695              | 650                                  |                    | 1 733              | 30              | 9 402                              | 8 462              | 940                                  |                    | 74                         | 74                 |                                      |                    |
| d   | Khối Trung tâm xã hội                                            | 25              | 2 261                       | 1 248              | 1 013                                |                    | 2 065                   | 959                | 925                                  |                    | 181                | 25              | 2 247                              | 1 234              | 1 013                                |                    | - 14                       | - 14               |                                      |                    |
| e   | Khối Trung tâm dân số KHHGD trực thuộc UBND cấp huyện            | 30              | 893                         | 830                | 63                                   |                    | 849                     | 712                | 42                                   |                    | 95                 | 30              | 890                                | 830                | 60                                   |                    | - 3                        |                    | - 3                                  |                    |
| 3   | Khối sự nghiệp Trung tâm phát triển quỹ đất                      | 21              | 695                         | 688                | 7                                    |                    | 747                     | 562                | 1                                    |                    | 184                | 21              | 651                                | 643                | 8                                    |                    | - 44                       | - 45               | 1                                    |                    |
| a   | Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Khối Sở Ngành                        | 1               | 128                         | 121                | 7                                    |                    | 139                     | 93                 | 1                                    |                    | 45                 | 1               | 125                                | 119                | 6                                    |                    | - 3                        | - 2                | - 1                                  |                    |
| b   | Đơn vị sự nghiệp trực thuộc quận, huyện, thị xã                  | 20              | 567                         | 567                |                                      |                    | 608                     | 469                |                                      |                    | 139                | 20              | 526                                | 524                | 2                                    |                    | - 41                       | - 43               | 2                                    |                    |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                                      | Số lượng đơn vị | BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2017 |                    |                                      |                    | SỐ CÓ MẶT ĐẾN 30/9/2017 |                    |                                      |                    |                    | Số lượng đơn vị | KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2018 |                    |                                      |                    | TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2017 |                    |                                      |                    |
|-----|-------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|-------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|--------------------|-----------------|------------------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|----------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|
|     |                                                 |                 | Tổng cộng                   | Trong đó           |                                      |                    | Tổng cộng               | Trong đó:          |                                      |                    |                    |                 | Tổng cộng                          | Trong đó           |                                      |                    | Tổng cộng                  | Trong đó           |                                      |                    |
|     |                                                 |                 |                             | Biên chế viên chức | LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LĐHD theo định mức |                         | Biên chế viên chức | LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LĐHD theo định mức | LĐHD chờ thi tuyển |                 |                                    | Biên chế viên chức | LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LĐHD theo định mức |                            | Biên chế viên chức | LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LĐHD theo định mức |
| 4   | Các Ban quản lý Chợ                             | 5               | 85                          | 76                 | 9                                    |                    | 44                      | 27                 | 9                                    |                    | 8                  | 3               | 79                                 | 70                 | 9                                    |                    | - 6                        | - 6                |                                      |                    |
| 5   | Khối Hội                                        | 93              | 672                         | 465                | 34                                   | 173                | 653                     | 454                | 32                                   | 144                | 23                 | 93              | 673                                | 463                | 36                                   | 174                | 1                          | - 2                | 2                                    | 1                  |
| a   | Khối hội cấp thành phố                          | 19              | 472                         | 373                | 34                                   | 65                 | 470                     | 373                | 32                                   | 64                 | 1                  | 19              | 472                                | 373                | 34                                   | 65                 |                            |                    |                                      |                    |
| b   | Khối hội cấp huyện                              | 74              | 200                         | 92                 |                                      | 108                | 183                     | 81                 |                                      | 80                 | 22                 | 74              | 201                                | 90                 | 2                                    | 109                | 1                          | - 2                | 2                                    | 1                  |
| 6   | Khối đơn vị sự nghiệp khác                      | 95              | 6 338                       | 5 303              | 824                                  | 211                | 5 964                   | 3 488              | 532                                  | 182                | 1 762              | 94              | 6 127                              | 5 124              | 796                                  | 207                | - 211                      | - 179              | - 28                                 | - 4                |
| a   | Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Khối Sở Ngành       | 51              | 4 553                       | 3 859              | 487                                  | 207                | 4 273                   | 2 295              | 294                                  | 178                | 1 506              | 51              | 4 439                              | 3 773              | 459                                  | 207                | - 114                      | - 86               | - 28                                 |                    |
| b   | Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành phố           | 3               | 417                         | 303                | 114                                  |                    | 387                     | 243                | 94                                   |                    | 50                 | 3               | 408                                | 298                | 110                                  |                    | - 9                        | - 5                | - 4                                  |                    |
| c   | Đơn vị sự nghiệp trực thuộc quận, huyện, thị xã | 41              | 1 368                       | 1 141              | 223                                  | 4                  | 1 304                   | 950                | 144                                  | 4                  | 206                | 40              | 1 280                              | 1 053              | 227                                  |                    | - 88                       | - 88               | 4                                    | - 4                |
| 7   | Biên chế Dự phòng                               |                 | 524                         | 476                | 48                                   |                    |                         |                    |                                      |                    |                    |                 | 476                                | 476                |                                      |                    | - 48                       |                    | - 48                                 |                    |

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ GIAO TỰ CHỦ CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2018**  
(Kèm theo Tờ trình số: 186 /TTr-UBND ngày 22 /41 /2017 của UBND Thành phố)

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                                           | Số lượng đơn vị | BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2017 |                    |                                      |                    | SỐ CÓ MẶT ĐẾN 30/9/2017 |                    |                                      |                    |                    | Số lượng đơn vị | KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2018 |                    |                                      |                    | TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2017 |                    |                                      |                    |
|-----|------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|-------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|--------------------|-----------------|------------------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|----------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|
|     |                                                      |                 | Tổng cộng                   | Trong đó           |                                      |                    | Tổng cộng               | Trong đó:          |                                      |                    |                    |                 | Tổng cộng                          | Trong đó           |                                      |                    | Tổng cộng                  | Trong đó           |                                      |                    |
|     |                                                      |                 |                             | Biên chế viên chức | LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LĐHD theo định mức |                         | Biên chế viên chức | LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LĐHD theo định mức | LĐHD chờ thi tuyển |                 |                                    | Biên chế viên chức | LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LĐHD theo định mức |                            | Biên chế viên chức | LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LĐHD theo định mức |
|     | TỔNG CỘNG                                            | 108             | 9 667                       | 8 761              | 904                                  | 2                  | 12 246                  | 6 922              | 659                                  |                    | 4 665              | 103             | 9 361                              | 8 522              | 819                                  | 20                 | - 306                      | - 239              | - 85                                 | 18                 |
| 1   | Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Khối Sở Ngành            | 35              | 5 803                       | 5 119              | 684                                  |                    | 8 205                   | 4 018              | 496                                  |                    | 3 691              | 35              | 5 781                              | 5 146              | 615                                  | 20                 | - 22                       | 27                 | - 69                                 | 20                 |
| 1   | Văn phòng UBND Thành phố                             | 1               | 74                          | 71                 | 3                                    |                    | 57                      | 16                 |                                      |                    | 41                 | 1               | 67                                 | 67                 |                                      |                    | - 7                        | - 4                | - 3                                  |                    |
| 1   | Nhà khách Ủy ban Thành phố                           | 1               | 74                          | 71                 | 3                                    |                    | 57                      | 16                 |                                      |                    | 41                 | 1               | 67                                 | 67                 |                                      |                    | - 7                        | - 4                | - 3                                  |                    |
| 2   | Sở Thông tin và Truyền thông                         | 2               | 73                          | 61                 | 12                                   |                    | 125                     | 53                 | 2                                    |                    | 70                 | 2               | 66                                 | 59                 | 7                                    |                    | - 7                        | - 2                | - 5                                  |                    |
| 1   | Trung tâm Giao dịch CNTT và TT                       | 1               | 42                          | 41                 | 1                                    |                    | 76                      | 36                 | 1                                    |                    | 39                 | 1               | 40                                 | 39                 | 1                                    |                    | - 2                        | - 2                |                                      |                    |
| 2   | Trung tâm Đào tạo CNTT và TT                         | 1               | 31                          | 20                 | 11                                   |                    | 49                      | 17                 | 1                                    |                    | 31                 | 1               | 26                                 | 20                 | 6                                    |                    | - 5                        |                    | - 5                                  |                    |
| 3   | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn               | 1               | 51                          | 49                 | 2                                    |                    | 51                      | 36                 |                                      |                    | 15                 | 1               | 45                                 | 43                 | 2                                    |                    | - 6                        | - 6                |                                      |                    |
| 1   | Ban Duy tu các công trình nông nghiệp và PTNT        | 1               | 51                          | 49                 | 2                                    |                    | 51                      | 36                 |                                      |                    | 15                 | 1               | 45                                 | 43                 | 2                                    |                    | - 6                        | - 6                |                                      |                    |
| 4   | Sở Xây dựng                                          | 2               | 101                         | 93                 | 8                                    |                    | 148                     | 62                 | 6                                    |                    | 80                 | 2               | 98                                 | 90                 | 8                                    |                    | - 3                        | - 3                |                                      |                    |
| 1   | Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở          | 1               | 27                          | 24                 | 3                                    |                    | 46                      | 21                 | 1                                    |                    | 24                 | 1               | 26                                 | 23                 | 3                                    |                    | - 1                        | - 1                |                                      |                    |
| 2   | Ban Duy tu các công trình hạ tầng kỹ thuật và đô thị | 1               | 74                          | 69                 | 5                                    |                    | 102                     | 41                 | 5                                    |                    | 56                 | 1               | 72                                 | 67                 | 5                                    |                    | - 2                        | - 2                |                                      |                    |
| 5   | Sở Giao thông Vận tải                                | 2               | 103                         | 90                 | 13                                   |                    | 132                     | 82                 | 9                                    |                    | 41                 | 2               | 97                                 | 88                 | 9                                    |                    | - 6                        | - 2                | - 4                                  |                    |
| 1   | Ban Duy tu các công trình HTGT                       | 1               | 62                          | 59                 | 3                                    |                    | 95                      | 51                 | 3                                    |                    | 41                 | 1               | 60                                 | 57                 | 3                                    |                    | - 2                        | - 2                |                                      |                    |
| 2   | Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới                       | 1               | 41                          | 31                 | 10                                   |                    | 37                      | 31                 | 6                                    |                    |                    | 1               | 37                                 | 31                 | 6                                    |                    | - 4                        |                    | - 4                                  |                    |
| 6   | Sở Lao động Thương binh và Xã hội                    | 4               | 475                         | 92                 | 383                                  |                    | 408                     | 63                 | 299                                  |                    | 46                 | 4               | 444                                | 75                 | 369                                  |                    | - 31                       | - 17               | - 14                                 |                    |
| 1   | Trường Trung cấp Tin học Hà Nội                      | 1               | 18                          | 18                 |                                      |                    | 17                      | 17                 |                                      |                    |                    | 1               | 18                                 | 18                 |                                      |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 2   | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Thăng Long   | 1               | 13                          | 13                 |                                      |                    | 11                      | 11                 |                                      |                    |                    | 1               | 13                                 | 13                 |                                      |                    |                            |                    |                                      |                    |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                                  | Số lượng đơn vị | BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2017 |                    |                                      |                    | SỐ CÓ MẶT ĐẾN 30/9/2017 |                    |                                      |                    |                    | Số lượng đơn vị | KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2018 |                    |                                      |                    | TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2017 |                    |                                      |                    |
|-----|---------------------------------------------|-----------------|-----------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|-------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|--------------------|-----------------|------------------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|----------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|
|     |                                             |                 | Tổng cộng                   | Trong đó:          |                                      |                    | Tổng cộng               | Trong đó:          |                                      |                    |                    |                 | Tổng cộng                          | Trong đó:          |                                      |                    | Tổng cộng                  | Trong đó:          |                                      |                    |
|     |                                             |                 |                             | Biên chế viên chức | LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LĐHD theo định mức |                         | Biên chế viên chức | LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LĐHD theo định mức | LĐHD chờ thi tuyển |                 |                                    | Biên chế viên chức | LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LĐHD theo định mức |                            | Biên chế viên chức | LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LĐHD theo định mức |
| 3   | Trung tâm Kiểm định Kỹ thuật an toàn Hà Nội | 1               | 18                          | 14                 | 4                                    |                    | 18                      | 5                  | 1                                    |                    | 12                 | 1               | 16                                 | 14                 | 2                                    |                    | - 2                        |                    | - 2                                  |                    |
| 4   | Ban Phục vụ lễ tang thành phố Hà Nội        | 1               | 426                         | 47                 | 379                                  |                    | 362                     | 30                 | 298                                  |                    | 34                 | 1               | 397                                | 30                 | 367                                  |                    | - 29                       | - 17               | - 12                                 |                    |
| 7   | Sở Giáo dục và đào tạo                      | 4               | 172                         | 156                | 16                                   |                    | 140                     | 128                | 12                                   |                    |                    | 4               | 170                                | 137                | 13                                   | 20                 | - 2                        | - 19               | - 3                                  | 20                 |
| 1   | THPT Phan Huy Chú- Đống Đa                  | 1               | 38                          | 37                 | 1                                    |                    | 32                      | 31                 | 1                                    |                    |                    | 1               | 32                                 | 31                 | 1                                    |                    | - 6                        | - 6                |                                      |                    |
| 2   | THPT Hoàng Cầu                              | 1               | 27                          | 24                 | 3                                    |                    | 25                      | 22                 | 3                                    |                    |                    | 1               | 28                                 | 25                 | 3                                    |                    | 1                          | 1                  |                                      |                    |
| 3   | Trường Mẫu giáo Mầm Non B                   | 1               | 51                          | 50                 | 1                                    |                    | 40                      | 39                 | 1                                    |                    |                    | 1               | 50                                 | 39                 | 1                                    | 10                 | - 1                        | - 11               |                                      | 10                 |
| 4   | Trường MG Việt- Triều Hữu nghị              | 1               | 56                          | 45                 | 11                                   |                    | 43                      | 36                 | 7                                    |                    |                    | 1               | 60                                 | 42                 | 8                                    | 10                 | 4                          | - 3                | - 3                                  | 10                 |
| 8   | Sở Y tế                                     | 8               | 4 060                       | 3 880              | 180                                  |                    | 5 934                   | 3 003              | 127                                  |                    | 2 804              | 8               | 4 029                              | 3 880              | 149                                  |                    | - 31                       |                    | - 31                                 |                    |
| 1   | BV ĐK Xanh Pôn                              | 1               | 853                         | 800                | 53                                   |                    | 999                     | 580                | 25                                   |                    | 394                | 1               | 830                                | 800                | 30                                   |                    | - 23                       |                    | - 23                                 |                    |
| 2   | BV ĐK Hào Nhai                              | 1               | 177                         | 161                | 16                                   |                    | 221                     | 113                | 6                                    |                    | 102                | 1               | 171                                | 161                | 10                                   |                    | - 6                        |                    | - 6                                  |                    |
| 3   | BV Phụ sản HN                               | 1               | 552                         | 538                | 14                                   |                    | 1 394                   | 450                | 14                                   |                    | 930                | 1               | 552                                | 538                | 14                                   |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 4   | BV Ung bướu Hà Nội                          | 1               | 360                         | 350                | 10                                   |                    | 375                     | 274                | 5                                    |                    | 96                 | 1               | 358                                | 350                | 8                                    |                    | - 2                        |                    | - 2                                  |                    |
| 5   | BV Tim Hà Nội                               | 1               | 204                         | 199                | 5                                    |                    | 608                     | 161                | 3                                    |                    | 444                | 1               | 204                                | 199                | 5                                    |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 6   | BV Thanh Nhân                               | 1               | 822                         | 803                | 19                                   |                    | 1 010                   | 592                | 15                                   |                    | 403                | 1               | 822                                | 803                | 19                                   |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 7   | BV ĐK Đức Giang                             | 1               | 663                         | 608                | 55                                   |                    | 882                     | 513                | 53                                   |                    | 316                | 1               | 663                                | 608                | 55                                   |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 8   | BV ĐK Đông Anh                              | 1               | 429                         | 421                | 8                                    |                    | 445                     | 320                | 6                                    |                    | 119                | 1               | 429                                | 421                | 8                                    |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 9   | Sở Văn hóa và Thể thao                      | 2               | 124                         | 102                | 22                                   |                    | 365                     | 87                 | 15                                   |                    | 263                | 2               | 116                                | 100                | 16                                   |                    | - 8                        | - 2                | - 6                                  |                    |
| 1   | Nhà hát Múa Rối Thăng Long                  | 1               | 72                          | 64                 | 8                                    |                    | 113                     | 58                 | 8                                    |                    | 47                 | 1               | 71                                 | 63                 | 8                                    |                    | - 1                        | - 1                |                                      |                    |
| 2   | Trung tâm HĐVHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám    | 1               | 52                          | 38                 | 14                                   |                    | 252                     | 29                 | 7                                    |                    | 216                | 1               | 45                                 | 37                 | 8                                    |                    | - 7                        | - 1                | - 6                                  |                    |
| 10  | Sở Tư pháp                                  | 6               | 127                         | 119                | 8                                    |                    | 115                     | 107                | 8                                    |                    |                    | 6               | 118                                | 110                | 8                                    |                    | - 9                        | - 9                |                                      |                    |
| 1   | Phòng công chứng số 1                       | 1               | 20                          | 20                 |                                      |                    | 20                      | 20                 |                                      |                    |                    | 1               | 20                                 | 20                 |                                      |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 2   | Phòng công chứng số 3                       | 1               | 23                          | 21                 | 2                                    |                    | 22                      | 20                 | 2                                    |                    |                    | 1               | 23                                 | 21                 | 2                                    |                    |                            |                    |                                      |                    |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                                                                                       | Số lượng đơn vị | BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2017 |                    |                                      |                    | SỐ CÓ MẶT ĐẾN 30/9/2017 |                    |                                      |                    |                    | Số lượng đơn vị | KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2018 |                    |                                      |                    | TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2017 |                    |                                      |                    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|-------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|--------------------|-----------------|------------------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|----------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|
|     |                                                                                                  |                 | Tổng cộng                   | Trong đó           |                                      |                    | Tổng cộng               | Trong đó:          |                                      |                    |                    |                 | Tổng cộng                          | Trong đó           |                                      |                    | Tổng cộng                  | Trong đó           |                                      |                    |
|     |                                                                                                  |                 |                             | Biên chế viên chức | LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LĐHD theo định mức |                         | Biên chế viên chức | LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LĐHD theo định mức | LĐHD chờ thi tuyển |                 |                                    | Biên chế viên chức | LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LĐHD theo định mức |                            | Biên chế viên chức | LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LĐHD theo định mức |
| 9   | Sở Văn hóa và Thể thao                                                                           | 2               | 124                         | 102                | 22                                   |                    | 365                     | 87                 | 15                                   |                    | 263                | 2               | 116                                | 100                | 16                                   |                    | - 8                        | - 2                | - 6                                  |                    |
| 1   | Nhà hát Múa Rối Thăng Long                                                                       | 1               | 72                          | 64                 | 8                                    |                    | 113                     | 58                 | 8                                    |                    | 47                 | 1               | 71                                 | 63                 | 8                                    |                    | - 1                        | - 1                |                                      |                    |
| 2   | Trung tâm HĐVHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám                                                         | 1               | 52                          | 38                 | 14                                   |                    | 252                     | 29                 | 7                                    |                    | 216                | 1               | 45                                 | 37                 | 8                                    |                    | - 7                        | - 1                | - 6                                  |                    |
| 10  | Sở Tư pháp                                                                                       | 6               | 127                         | 119                | 8                                    |                    | 115                     | 107                | 8                                    |                    |                    | 6               | 118                                | 110                | 8                                    |                    | - 9                        | - 9                |                                      |                    |
| 1   | Phòng công chứng số 1                                                                            | 1               | 20                          | 20                 |                                      |                    | 20                      | 20                 |                                      |                    |                    | 1               | 20                                 | 20                 |                                      |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 2   | Phòng công chứng số 3                                                                            | 1               | 23                          | 21                 | 2                                    |                    | 22                      | 20                 | 2                                    |                    |                    | 1               | 23                                 | 21                 | 2                                    |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 3   | Phòng công chứng số 4                                                                            | 1               | 17                          | 17                 |                                      |                    | 13                      | 13                 |                                      |                    |                    | 1               | 15                                 | 15                 |                                      |                    | - 2                        | - 2                |                                      |                    |
| 4   | Phòng công chứng số 6                                                                            | 1               | 19                          | 19                 |                                      |                    | 18                      | 18                 |                                      |                    |                    | 1               | 18                                 | 18                 |                                      |                    | - 1                        | - 1                |                                      |                    |
| 5   | Phòng công chứng số 7                                                                            | 1               | 12                          | 11                 | 1                                    |                    | 12                      | 11                 | 1                                    |                    |                    | 1               | 12                                 | 11                 | 1                                    |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 6   | Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản                                                            | 1               | 36                          | 31                 | 5                                    |                    | 30                      | 25                 | 5                                    |                    |                    | 1               | 30                                 | 25                 | 5                                    |                    | - 6                        | - 6                |                                      |                    |
| 11  | Sở Tài nguyên và Môi trường                                                                      | 3               | 443                         | 406                | 37                                   |                    | 730                     | 381                | 18                                   |                    | 331                | 3               | 531                                | 497                | 34                                   |                    | 88                         | 91                 | - 3                                  |                    |
| 1   | Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội                                                                 | 1               | 312                         | 287                | 25                                   |                    | 604                     | 277                | 12                                   |                    | 315                | 1               | 406                                | 381                | 25                                   |                    | 94                         | 94                 |                                      |                    |
| 2   | Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Hà Nội                                               | 1               | 61                          | 57                 | 4                                    |                    | 59                      | 50                 | 1                                    |                    | 8                  | 1               | 60                                 | 56                 | 4                                    |                    | - 1                        | - 1                |                                      |                    |
| 3   | Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Hà Nội                                              | 1               | 70                          | 62                 | 8                                    |                    | 67                      | 54                 | 5                                    |                    | 8                  | 1               | 65                                 | 60                 | 5                                    |                    | - 5                        | - 2                | - 3                                  |                    |
| II  | Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành phố                                                            | 10              | 2 137                       | 2 009              | 128                                  |                    | 2 193                   | 1 620              | 80                                   |                    | 493                | 10              | 1 950                              | 1 845              | 105                                  |                    | - 187                      | - 164              | - 23                                 |                    |
| 1   | Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội                                                             | 1               | 585                         | 570                | 15                                   |                    | 707                     | 550                | 6                                    |                    | 151                | 1               | 568                                | 558                | 10                                   |                    | - 17                       | - 12               | - 5                                  |                    |
| 2   | Báo Kinh tế Đô thị                                                                               | 1               | 30                          | 24                 | 6                                    |                    | 107                     | 20                 | 6                                    |                    | 81                 | 1               | 30                                 | 24                 | 6                                    |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 3   | Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội                                                                   | 1               | 145                         | 142                | 3                                    |                    | 136                     | 80                 | 2                                    |                    | 54                 | 1               | 141                                | 139                | 2                                    |                    | - 4                        | - 3                | - 1                                  |                    |
| 4   | Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội                                                           | 1               | 180                         | 167                | 13                                   |                    | 166                     | 154                | 12                                   |                    |                    | 1               | 177                                | 164                | 13                                   |                    | - 3                        | - 3                |                                      |                    |
| 5   | Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội                                                              | 1               | 129                         | 124                | 5                                    |                    | 127                     | 109                | 1                                    |                    | 17                 | 1               | 125                                | 121                | 4                                    |                    | - 4                        | - 3                | - 1                                  |                    |
| 6   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và môi trường thành phố Hà Nội | 1               | 138                         | 126                | 12                                   |                    | 97                      | 87                 | 10                                   |                    |                    | 1               | 115                                | 103                | 12                                   |                    | - 23                       | - 23               |                                      |                    |
| 7   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thành phố HN                | 1               | 199                         | 178                | 21                                   |                    | 166                     | 146                | 11                                   |                    | 9                  | 1               | 175                                | 160                | 15                                   |                    | - 24                       | - 18               | - 6                                  |                    |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                                                                                              | Số lượng<br>đơn vị | BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO<br>NĂM 2017 |                       |                                                   |                          | SỐ CÓ MẶT ĐẾN 30/9/2017 |                       |                                                      |                          |                          | Số lượng<br>đơn vị | KẾ HOẠCH SỬ DỤNG<br>BIÊN CHẾ NĂM 2018 |                       |                                                      |                             | TĂNG, GIẢM SO VỚI<br>NĂM 2017 |                             |                                                      |                             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------|---------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------|
|     |                                                                                                         |                    | Tổng cộng                      | Trong đó              |                                                   |                          | Tổng cộng               | Trong đó:             |                                                      |                          |                          |                    | Tổng cộng                             | Trong đó              |                                                      |                             | Tổng cộng                     | Trong đó                    |                                                      |                             |
|     |                                                                                                         |                    |                                | Biên chế<br>viên chức | LDHD<br>theo Nghị<br>định số<br>68/2000/N<br>Đ-CP | LDHD<br>theo định<br>mức |                         | Biên chế<br>viên chức | LDHD<br>theo<br>Nghị<br>định số<br>68/2000/<br>ND-CP | LDHD<br>theo<br>định mức | LDHD<br>chờ thi<br>tuyển |                    |                                       | Biên chế<br>viên chức | LDHD<br>theo<br>Nghị<br>định số<br>68/2000/<br>ND-CP | LDHD<br>theo<br>định<br>mức |                               | Biên<br>chế<br>viên<br>chức | LDHD<br>theo<br>Nghị<br>định số<br>68/2000/<br>ND-CP | LDHD<br>theo<br>định<br>mức |
| 8   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình<br>giao thông                                              | 1                  | 424                            | 394                   | 30                                                |                          | 419                     | 299                   | 21                                                   |                          | 99                       | 1                  | 371                                   | 346                   | 25                                                   |                             | - 53                          | - 48                        | - 5                                                  |                             |
| 9   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình<br>Văn hóa - Xã hội thành phố Hà Nội                       | 1                  | 203                            | 188                   | 15                                                |                          | 161                     | 112                   | 5                                                    |                          | 44                       | 1                  | 160                                   | 150                   | 10                                                   |                             | - 43                          | - 38                        | - 5                                                  |                             |
| 10  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình<br>Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố<br>Hà Nội | 1                  | 104                            | 96                    | 8                                                 |                          | 107                     | 63                    | 6                                                    |                          | 38                       | 1                  | 88                                    | 80                    | 8                                                    |                             | - 16                          | - 16                        |                                                      |                             |
| IV  | Đơn vị sự nghiệp trực thuộc quận, huyện, thị<br>xã                                                      | 63                 | 1 727                          | 1 633                 | 92                                                | 2                        | 1 848                   | 1 284                 | 83                                                   |                          | 481                      | 58                 | 1 630                                 | 1 531                 | 99                                                   |                             | - 97                          | - 102                       | 7                                                    | - 2                         |
| 1   | UBND Quận Hoàn Kiếm                                                                                     | 3                  | 204                            | 186                   | 16                                                | 2                        | 184                     | 155                   | 13                                                   |                          | 16                       | 2                  | 194                                   | 178                   | 16                                                   |                             | - 10                          | - 8                         |                                                      | - 2                         |
| 1   | Trường Tiểu học Tràng an                                                                                | 1                  | 52                             | 48                    | 4                                                 |                          | 44                      | 40                    | 4                                                    |                          |                          | 1                  | 52                                    | 48                    | 4                                                    |                             |                               |                             |                                                      |                             |
| 2   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng                                                                       | 1                  | 70                             | 62                    | 6                                                 | 2                        | 58                      | 39                    | 3                                                    |                          | 16                       | 1                  | 60                                    | 54                    | 6                                                    |                             | - 10                          | - 8                         |                                                      | - 2                         |
| 3   | Trường Mầm non 20/10                                                                                    | 1                  | 82                             | 76                    | 6                                                 |                          | 82                      | 76                    | 6                                                    |                          |                          |                    | 82                                    | 76                    | 6                                                    |                             |                               |                             |                                                      |                             |
| 2   | UBND Quận Hai Bà Trưng                                                                                  | 4                  | 65                             | 65                    |                                                   |                          | 119                     | 65                    |                                                      |                          | 54                       | 4                  | 65                                    | 65                    |                                                      |                             |                               |                             |                                                      |                             |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng                                                                       | 1                  | 32                             | 32                    |                                                   |                          | 32                      | 32                    |                                                      |                          |                          | 1                  | 32                                    | 32                    |                                                      |                             |                               |                             |                                                      |                             |
| 2   | Ban Quản lý chợ Hòa Bình                                                                                | 1                  | 8                              | 8                     |                                                   |                          | 18                      | 8                     |                                                      |                          | 10                       | 1                  | 8                                     | 8                     |                                                      |                             |                               |                             |                                                      |                             |
| 3   | Ban Quản lý chợ Đồng Tâm                                                                                | 1                  | 5                              | 5                     |                                                   |                          | 12                      | 5                     |                                                      |                          | 7                        | 1                  | 5                                     | 5                     |                                                      |                             |                               |                             |                                                      |                             |
| 4   | Ban quản lý chợ Hầm-Đức Viên                                                                            | 1                  | 20                             | 20                    |                                                   |                          | 57                      | 20                    |                                                      |                          | 37                       | 1                  | 20                                    | 20                    |                                                      |                             |                               |                             |                                                      |                             |
| 3   | UBND Quận Ba Đình                                                                                       | 4                  | 73                             | 73                    |                                                   |                          | 63                      | 42                    |                                                      |                          | 21                       | 4                  | 67                                    | 67                    |                                                      |                             | - 6                           | - 6                         |                                                      |                             |
| 1   | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng                                                                       | 1                  | 33                             | 33                    |                                                   |                          | 20                      | 20                    |                                                      |                          |                          | 1                  | 30                                    | 30                    |                                                      |                             | - 3                           | - 3                         |                                                      |                             |
| 2   | Ban quản lý chợ Số 2                                                                                    | 1                  | 9                              | 9                     |                                                   |                          | 9                       | 6                     |                                                      |                          | 3                        | 1                  | 9                                     | 9                     |                                                      |                             |                               |                             |                                                      |                             |
| 3   | Ban quản lý chợ Số 3                                                                                    | 1                  | 9                              | 9                     |                                                   |                          | 8                       | 5                     |                                                      |                          | 3                        | 1                  | 9                                     | 9                     |                                                      |                             |                               |                             |                                                      |                             |
| 4   | Ban quản lý chợ Long Biên                                                                               | 1                  | 22                             | 22                    |                                                   |                          | 26                      | 11                    |                                                      |                          | 15                       | 1                  | 19                                    | 19                    |                                                      |                             | - 3                           | - 3                         |                                                      |                             |
| 4   | UBND Quận Đống Đa                                                                                       | 1                  | 32                             | 32                    |                                                   |                          | 30                      | 30                    |                                                      |                          |                          | 1                  | 30                                    | 30                    |                                                      |                             | - 2                           | - 2                         |                                                      |                             |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng                                                                       | 1                  | 32                             | 32                    |                                                   |                          | 30                      | 30                    |                                                      |                          |                          | 1                  | 30                                    | 30                    |                                                      |                             | - 2                           | - 2                         |                                                      |                             |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                                | Số lượng đơn vị | BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2017 |                    |                                      |                    | SỐ CÓ MẶT ĐẾN 30/9/2017 |                    |                                      |                    |                    | Số lượng đơn vị | KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2018 |                    |                                      |                    | TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2017 |                    |                                      |                    |
|-----|-------------------------------------------|-----------------|-----------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|-------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|--------------------|-----------------|------------------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|----------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|
|     |                                           |                 | Tổng cộng                   | Trong đó           |                                      |                    | Tổng cộng               | Trong đó:          |                                      |                    |                    |                 | Tổng cộng                          | Trong đó           |                                      |                    | Tổng cộng                  | Trong đó           |                                      |                    |
|     |                                           |                 |                             | Biên chế viên chức | LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LDHD theo định mức |                         | Biên chế viên chức | LDHD theo Nghị định số 68/2000/ND-CP | LDHD theo định mức | LDHD chờ thi tuyển |                 |                                    | Biên chế viên chức | LDHD theo Nghị định số 68/2000/ND-CP | LDHD theo định mức |                            | Biên chế viên chức | LDHD theo Nghị định số 68/2000/ND-CP | LDHD theo định mức |
| 5   | UBND Quận Tây Hồ                          | 2               | 61                          | 61                 |                                      |                    | 60                      | 32                 |                                      |                    | 28                 | 2               | 52                                 | 52                 |                                      |                    | -9                         | -9                 |                                      |                    |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng         | 1               | 35                          | 35                 |                                      |                    | 34                      | 20                 |                                      |                    | 14                 | 1               | 28                                 | 28                 |                                      |                    | -7                         | -7                 |                                      |                    |
| 2   | Ban quản lý Chợ                           | 1               | 26                          | 26                 |                                      |                    | 26                      | 12                 |                                      |                    | 14                 | 1               | 24                                 | 24                 |                                      |                    | -2                         | -2                 |                                      |                    |
| 6   | UBND Quận Thanh Xuân                      | 2               | 34                          | 26                 | 8                                    |                    | 44                      | 21                 | 8                                    |                    | 15                 | 2               | 34                                 | 26                 | 8                                    |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng         | 1               | 19                          | 19                 |                                      |                    | 29                      | 14                 |                                      |                    | 15                 | 1               | 19                                 | 19                 |                                      |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 2   | Ban quản lý chợ Thanh Xuân                | 1               | 15                          | 7                  | 8                                    |                    | 15                      | 7                  | 8                                    |                    |                    | 1               | 15                                 | 7                  | 8                                    |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 7   | UBND Quận Cầu Giấy                        | 5               | 55                          | 55                 |                                      |                    | 50                      | 50                 |                                      |                    |                    | 3               | 53                                 | 53                 |                                      |                    | -2                         | -2                 |                                      |                    |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng         | 1               | 30                          | 30                 |                                      |                    | 27                      | 27                 |                                      |                    |                    | 1               | 29                                 | 29                 |                                      |                    | -1                         | -1                 |                                      |                    |
| 2   | TT DV Xổ số tư vấn du lịch                | 1               | 3                           | 3                  |                                      |                    | 3                       | 3                  |                                      |                    |                    | 1               | 3                                  | 3                  |                                      |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 3   | Ban Quản lý Chợ                           |                 |                             |                    |                                      |                    |                         |                    |                                      |                    |                    | 1               | 21                                 | 21                 |                                      |                    | 21                         | 21                 |                                      |                    |
| 4   | Ban QL chợ Cầu Giấy                       | 1               | 7                           | 7                  |                                      |                    | 7                       | 7                  |                                      |                    |                    |                 |                                    |                    |                                      |                    | -7                         | -7                 |                                      |                    |
| 5   | Ban QL chợ Nghĩa Tân                      | 1               | 8                           | 8                  |                                      |                    | 6                       | 6                  |                                      |                    |                    |                 |                                    |                    |                                      |                    | -8                         | -8                 |                                      |                    |
| 6   | Ban QL chợ Đồng Xa                        | 1               | 7                           | 7                  |                                      |                    | 7                       | 7                  |                                      |                    |                    |                 |                                    |                    |                                      |                    | -7                         | -7                 |                                      |                    |
| 8   | UBND Quận Hoàng Mai                       | 6               | 139                         | 133                | 6                                    |                    | 150                     | 66                 | 4                                    |                    | 80                 | 6               | 127                                | 119                | 8                                    |                    | -12                        | -14                | 2                                    |                    |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng         | 1               | 35                          | 35                 |                                      |                    | 49                      | 23                 |                                      |                    | 26                 | 1               | 30                                 | 30                 |                                      |                    | -5                         | -5                 |                                      |                    |
| 2   | Trường Thể dục thể thao Thanh thiếu nhi   | 1               | 18                          | 14                 | 4                                    |                    | 17                      | 6                  | 4                                    |                    | 7                  | 1               | 18                                 | 14                 | 4                                    |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 3   | BQL Chợ Trương Định                       | 1               | 20                          | 20                 |                                      |                    | 23                      | 9                  |                                      |                    | 14                 | 1               | 20                                 | 20                 |                                      |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 4   | BQL Bến xe tải Thanh Trì                  | 1               | 23                          | 23                 |                                      |                    | 13                      | 5                  |                                      |                    | 8                  | 1               | 20                                 | 20                 |                                      |                    | -3                         | -3                 |                                      |                    |
| 5   | Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao | 1               | 11                          | 9                  | 2                                    |                    | 9                       | 4                  |                                      |                    | 5                  | 1               | 13                                 | 9                  | 4                                    |                    | 2                          |                    | 2                                    |                    |
| 6   | Trung tâm phát triển quỹ đất              | 1               | 32                          | 32                 |                                      |                    | 39                      | 19                 |                                      |                    | 20                 | 1               | 26                                 | 26                 |                                      |                    | -6                         | -6                 |                                      |                    |
| 9   | UBND Quận Long Biên                       | 4               | 142                         | 124                | 18                                   |                    | 181                     | 99                 | 16                                   |                    | 66                 | 2               | 138                                | 120                | 18                                   |                    | -4                         | -4                 |                                      |                    |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng         | 1               | 25                          | 25                 |                                      |                    | 56                      | 25                 |                                      |                    | 31                 | 1               | 25                                 | 25                 |                                      |                    |                            |                    |                                      |                    |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                        | Số lượng đơn vị | BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2017 |                    |                                      |                    | SỐ CỐ MẶT ĐẾN 30/9/2017 |                    |                    |                                      |                    | Số lượng đơn vị | KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2018 |                    |                                      |                    | TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2017 |          |  |  |
|-----|-----------------------------------|-----------------|-----------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|-------------------------|--------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|-----------------|------------------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|----------------------------|----------|--|--|
|     |                                   |                 | Tổng cộng                   | Trong đó           |                                      |                    | Tổng cộng               | Trong đó:          |                    |                                      |                    |                 | Tổng cộng                          | Trong đó           |                                      |                    | Tổng cộng                  | Trong đó |  |  |
|     |                                   |                 |                             | Biên chế viên chức | LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LĐHD theo định mức |                         | LĐHD chờ thi tuyển | Biên chế viên chức | LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LĐHD theo định mức |                 |                                    | Biên chế viên chức | LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LĐHD theo định mức |                            |          |  |  |
| 2   | Trung tâm phát triển quỹ đất      | 1               | 28                          | 28                 |                                      |                    | 51                      | 16                 |                    |                                      | 35                 | 1               | 24                                 | 24                 |                                      |                    | - 4                        | - 4      |  |  |
| 3   | Trường Mầm non đô thị Sài Đồng    | 1               | 50                          | 36                 | 14                                   |                    | 41                      | 29                 | 12                 |                                      |                    |                 | 50                                 | 36                 | 14                                   |                    |                            |          |  |  |
| 4   | Trường Tiểu học đô thị Sài Đồng   | 1               | 39                          | 35                 | 4                                    |                    | 33                      | 29                 | 4                  |                                      |                    |                 | 39                                 | 35                 | 4                                    |                    |                            |          |  |  |
| 10  | UBND Quận Nam Từ Liêm             | 4               | 146                         | 138                | 8                                    |                    | 141                     | 114                | 8                  |                                      | 19                 | 4               | 144                                | 136                | 8                                    |                    | - 2                        | - 2      |  |  |
| 1   | Trường THCS Nam Từ Liêm           | 1               | 68                          | 64                 | 4                                    |                    | 64                      | 60                 | 4                  |                                      |                    | 1               | 68                                 | 64                 | 4                                    |                    |                            |          |  |  |
| 2   | Trường Tiểu học Nam Từ Liêm       | 1               | 48                          | 44                 | 4                                    |                    | 48                      | 44                 | 4                  |                                      |                    | 1               | 48                                 | 44                 | 4                                    |                    |                            |          |  |  |
| 3   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | 1               | 20                          | 20                 |                                      |                    | 20                      | 9                  |                    |                                      | 11                 | 1               | 18                                 | 18                 |                                      |                    | - 2                        | - 2      |  |  |
| 4   | Ban quản lý chợ                   | 1               | 10                          | 10                 |                                      |                    | 9                       | 1                  |                    |                                      | 8                  | 1               | 10                                 | 10                 |                                      |                    |                            |          |  |  |
| 11  | UBND Quận Bắc Từ Liêm             | 3               | 64                          | 64                 |                                      |                    | 101                     | 53                 |                    |                                      | 48                 | 3               | 62                                 | 62                 |                                      |                    | - 2                        | - 2      |  |  |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | 1               | 26                          | 26                 |                                      |                    | 49                      | 26                 |                    |                                      | 23                 | 1               | 26                                 | 26                 |                                      |                    |                            |          |  |  |
| 2   | Trung tâm phát triển quỹ đất      | 1               | 28                          | 28                 |                                      |                    | 42                      | 18                 |                    |                                      | 24                 | 1               | 26                                 | 26                 |                                      |                    | - 2                        | - 2      |  |  |
| 3   | Ban quản lý chợ                   | 1               | 10                          | 10                 |                                      |                    | 10                      | 9                  |                    |                                      | 1                  | 1               | 10                                 | 10                 |                                      |                    |                            |          |  |  |
| 12  | UBND Quận Hà Đông                 | 3               | 125                         | 106                | 19                                   |                    | 111                     | 92                 | 19                 |                                      |                    | 3               | 118                                | 99                 | 19                                   |                    | - 7                        | - 7      |  |  |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | 1               | 57                          | 57                 |                                      |                    | 48                      | 48                 |                    |                                      |                    | 1               | 52                                 | 52                 |                                      |                    | - 5                        | - 5      |  |  |
| 2   | Trung tâm phát triển quỹ đất      | 1               | 33                          | 33                 |                                      |                    | 29                      | 29                 |                    |                                      |                    | 1               | 31                                 | 31                 |                                      |                    | - 2                        | - 2      |  |  |
| 3   | Ban Quản lý chợ Hà Đông           | 1               | 35                          | 16                 | 19                                   |                    | 34                      | 15                 | 19                 |                                      |                    | 1               | 35                                 | 16                 | 19                                   |                    |                            |          |  |  |
| 13  | UBND Huyện Thanh Trì              | 1               | 31                          | 29                 | 2                                    |                    | 23                      | 23                 |                    |                                      |                    | 1               | 27                                 | 25                 | 2                                    |                    | - 4                        | - 4      |  |  |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | 1               | 31                          | 29                 | 2                                    |                    | 23                      | 23                 |                    |                                      |                    | 1               | 27                                 | 25                 | 2                                    |                    | - 4                        | - 4      |  |  |
| 14  | UBND Huyện Gia Lâm                | 2               | 59                          | 59                 |                                      |                    | 76                      | 52                 |                    |                                      | 24                 | 2               | 56                                 | 56                 |                                      |                    | - 3                        | - 3      |  |  |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | 1               | 31                          | 31                 |                                      |                    | 49                      | 31                 |                    |                                      | 18                 | 1               | 31                                 | 31                 |                                      |                    |                            |          |  |  |
| 2   | Trung tâm phát triển quỹ đất      | 1               | 28                          | 28                 |                                      |                    | 27                      | 21                 |                    |                                      | 6                  | 1               | 25                                 | 25                 |                                      |                    | - 3                        | - 3      |  |  |
| 15  | UBND Huyện Đông Anh               | 2               | 35                          | 35                 |                                      |                    | 21                      | 17                 |                    |                                      | 4                  | 2               | 27                                 | 27                 |                                      |                    | - 8                        | - 8      |  |  |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                        | Số lượng đơn vị | BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2017 |                    |                                      |                    | SỐ CÓ MẶT ĐẾN 30/9/2017 |                    |                                      |                    |                    | Số lượng đơn vị | KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2018 |                    |                                      |                    | TÀNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2017 |                    |                                      |                    |
|-----|-----------------------------------|-----------------|-----------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|-------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|--------------------|-----------------|------------------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|----------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|
|     |                                   |                 | Tổng cộng                   | Trong đó           |                                      |                    | Tổng cộng               | Trong đó:          |                                      |                    |                    |                 | Tổng cộng                          | Trong đó           |                                      |                    | Tổng cộng                  | Trong đó           |                                      |                    |
|     |                                   |                 |                             | Biên chế viên chức | LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LDHD theo định mức |                         | Biên chế viên chức | LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LDHD theo định mức | LDHD chờ thi tuyển |                 |                                    | Biên chế viên chức | LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LDHD theo định mức |                            | Biên chế viên chức | LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LDHD theo định mức |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | 1               | 30                          | 30                 |                                      |                    | 20                      | 17                 |                                      |                    | 3                  | 1               | 22                                 | 22                 |                                      |                    | - 8                        | - 8                |                                      |                    |
| 2   | BQL Chợ Tô                        | 1               | 5                           | 5                  |                                      |                    | 1                       |                    |                                      |                    | 1                  | 1               | 5                                  | 5                  |                                      |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 16  | UBND Huyện Sóc Sơn                | 1               | 24                          | 24                 |                                      |                    | 33                      | 20                 |                                      |                    | 13                 | 1               | 24                                 | 24                 |                                      |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | 1               | 24                          | 24                 |                                      |                    | 33                      | 20                 |                                      |                    | 13                 | 1               | 24                                 | 24                 |                                      |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 17  | UBND Huyện Ba Vì                  | 1               | 21                          | 21                 |                                      |                    | 31                      | 21                 |                                      |                    | 10                 | 1               | 23                                 | 21                 | 2                                    |                    | 2                          |                    | 2                                    |                    |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | 1               | 21                          | 21                 |                                      |                    | 31                      | 21                 |                                      |                    | 10                 | 1               | 23                                 | 21                 | 2                                    |                    | 2                          |                    | 2                                    |                    |
| 18  | UBND Thị xã Sơn Tây               | 2               | 68                          | 54                 | 14                                   |                    | 73                      | 37                 | 14                                   |                    | 22                 | 2               | 68                                 | 54                 | 14                                   |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | 1               | 24                          | 24                 |                                      |                    | 23                      | 23                 |                                      |                    |                    | 1               | 24                                 | 24                 |                                      |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 2   | BQL chợ Nghệ                      | 1               | 44                          | 30                 | 14                                   |                    | 50                      | 14                 | 14                                   |                    | 22                 | 1               | 44                                 | 30                 | 14                                   |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 19  | UBND Huyện Thạch Thất             | 2               | 81                          | 81                 |                                      |                    | 70                      | 70                 |                                      |                    |                    | 2               | 79                                 | 76                 | 3                                    |                    | - 2                        | - 5                | 3                                    |                    |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | 1               | 34                          | 34                 |                                      |                    | 25                      | 25                 |                                      |                    |                    | 1               | 29                                 | 29                 |                                      |                    | - 5                        | - 5                |                                      |                    |
| 2   | Trung tâm phát triển Quỹ đất      | 1               | 47                          | 47                 |                                      |                    | 45                      | 45                 |                                      |                    |                    | 1               | 50                                 | 47                 | 3                                    |                    | 3                          |                    | 3                                    |                    |
| 20  | UBND Huyện Phúc Thọ               | 1               | 35                          | 35                 |                                      |                    | 35                      | 29                 |                                      |                    | 6                  | 1               | 31                                 | 31                 |                                      |                    | - 4                        | - 4                |                                      |                    |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | 1               | 35                          | 35                 |                                      |                    | 35                      | 29                 |                                      |                    | 6                  | 1               | 31                                 | 31                 |                                      |                    | - 4                        | - 4                |                                      |                    |
| 21  | UBND Huyện Đan Phượng             | 1               | 22                          | 22                 |                                      |                    | 20                      | 20                 |                                      |                    |                    | 1               | 21                                 | 21                 |                                      |                    | - 1                        | - 1                |                                      |                    |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | 1               | 22                          | 22                 |                                      |                    | 20                      | 20                 |                                      |                    |                    | 1               | 21                                 | 21                 |                                      |                    | - 1                        | - 1                |                                      |                    |
| 22  | UBND Huyện Hoài Đức               | 1               | 27                          | 27                 |                                      |                    | 22                      | 22                 |                                      |                    |                    | 1               | 24                                 | 24                 |                                      |                    | - 3                        | - 3                |                                      |                    |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | 1               | 27                          | 27                 |                                      |                    | 22                      | 22                 |                                      |                    |                    | 1               | 24                                 | 24                 |                                      |                    | - 3                        | - 3                |                                      |                    |
| 23  | UBND Huyện Quốc Oai               | 1               | 30                          | 30                 |                                      |                    | 26                      | 26                 |                                      |                    |                    | 1               | 26                                 | 26                 |                                      |                    | - 4                        | - 4                |                                      |                    |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | 1               | 30                          | 30                 |                                      |                    | 26                      | 26                 |                                      |                    |                    | 1               | 26                                 | 26                 |                                      |                    | - 4                        | - 4                |                                      |                    |
| 24  | UBND Huyện Chương Mỹ              | 1               | 25                          | 25                 |                                      |                    | 19                      | 14                 |                                      |                    | 5                  | 1               | 20                                 | 20                 |                                      |                    | - 5                        | - 5                |                                      |                    |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | 1               | 25                          | 25                 |                                      |                    | 19                      | 14                 |                                      |                    | 5                  | 1               | 20                                 | 20                 |                                      |                    | - 5                        | - 5                |                                      |                    |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                        | Số lượng đơn vị | BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2017 |                    |                                      |                    | SỐ CÓ MẶT ĐẾN 30/9/2017 |                    |                                      |                    |                    | Số lượng đơn vị | KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2018 |                    |                                      |                    | TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2017 |                    |                                      |                    |
|-----|-----------------------------------|-----------------|-----------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|-------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|--------------------|-----------------|------------------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|----------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|
|     |                                   |                 | Tổng cộng                   | Trong đó           |                                      |                    | Tổng cộng               | Trong đó:          |                                      |                    |                    |                 | Tổng cộng                          | Trong đó           |                                      |                    | Tổng cộng                  | Trong đó           |                                      |                    |
|     |                                   |                 |                             | Biên chế viên chức | LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LDHD theo định mức |                         | Biên chế viên chức | LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LDHD theo định mức | LDHD chờ thi tuyển |                 |                                    | Biên chế viên chức | LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LDHD theo định mức |                            | Biên chế viên chức | LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP | LDHD theo định mức |
| 25  | UBND Huyện Thanh Oai              | 1               | 29                          | 29                 |                                      |                    | 36                      | 23                 |                                      |                    | 13                 | 1               | 25                                 | 25                 |                                      |                    | - 4                        | - 4                |                                      |                    |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | 1               | 29                          | 29                 |                                      |                    | 36                      | 23                 |                                      |                    | 13                 | 1               | 25                                 | 25                 |                                      |                    | - 4                        | - 4                |                                      |                    |
| 26  | UBND Huyện Thường Tín             | 1               | 23                          | 22                 | 1                                    |                    | 27                      | 17                 | 1                                    |                    | 9                  | 1               | 20                                 | 19                 | 1                                    |                    | - 3                        | - 3                |                                      |                    |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | 1               | 23                          | 22                 | 1                                    |                    | 27                      | 17                 | 1                                    |                    | 9                  | 1               | 20                                 | 19                 | 1                                    |                    | - 3                        | - 3                |                                      |                    |
| 27  | UBND Huyện Ứng Hòa                | 1               | 12                          | 12                 |                                      |                    | 15                      | 12                 |                                      |                    | 3                  | 1               | 12                                 | 12                 |                                      |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | 1               | 12                          | 12                 |                                      |                    | 15                      | 12                 |                                      |                    | 3                  | 1               | 12                                 | 12                 |                                      |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 28  | UBND Huyện Phú Xuyên              | 1               | 25                          | 25                 |                                      |                    | 22                      | 22                 |                                      |                    |                    | 1               | 23                                 | 23                 |                                      |                    | - 2                        | - 2                |                                      |                    |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | 1               | 25                          | 25                 |                                      |                    | 22                      | 22                 |                                      |                    |                    | 1               | 23                                 | 23                 |                                      |                    | - 2                        | - 2                |                                      |                    |
| 29  | UBND Huyện Mỹ Đức                 | 1               | 15                          | 15                 |                                      |                    | 21                      | 15                 |                                      |                    | 6                  | 1               | 15                                 | 15                 |                                      |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | 1               | 15                          | 15                 |                                      |                    | 21                      | 15                 |                                      |                    | 6                  | 1               | 15                                 | 15                 |                                      |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 30  | UBND Huyện Mê Linh                | 1               | 25                          | 25                 |                                      |                    | 44                      | 25                 |                                      |                    | 19                 | 1               | 25                                 | 25                 |                                      |                    |                            |                    |                                      |                    |
| 1   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | 1               | 25                          | 25                 |                                      |                    | 44                      | 25                 |                                      |                    | 19                 | 1               | 25                                 | 25                 |                                      |                    |                            |                    |                                      |                    |

Số: /NQ-HĐND  
(Dự thảo)

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2017

**NGHỊ QUYẾT**

**Về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2018**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
**KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ NĂM**  
(từ ngày 04/12/2017 đến ngày 08/12/2017)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Xét Tờ trình số: /TTr-UBND, ngày tháng năm 2017 của UBND Thành phố về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2018; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua tổng biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2018 và quyết định giao biên chế cho các cơ quan của Thành phố, quận, huyện, thị xã như sau:

**1. Biên chế hành chính: 10.661 biên chế, trong đó:**

- Biên chế công chức: 8.891 biên chế (gồm dự phòng 08 biên chế).
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 1.358 chỉ tiêu.
- Lao động hợp đồng theo định mức: 412 chỉ tiêu.

**2. Biên chế sự nghiệp: 148.822 biên chế, trong đó:**

- Biên chế viên chức: 127.933 biên chế (gồm dự phòng: 476 biên chế).
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 11.568 chỉ tiêu.
- Lao động hợp đồng theo định mức: 9.321 chỉ tiêu.

(Kèm theo biểu chi tiết số 1 và số 2)

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Tổ chức triển khai giao biên chế hành chính, sự nghiệp theo Nghị quyết của HĐND Thành phố cùng với giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội để các đơn vị, địa phương chủ động thực hiện ngay từ đầu năm. Trong năm 2018, nếu có phát sinh (tăng hoặc giảm) so với Nghị quyết HĐND về biên chế hành chính, sự nghiệp (bao gồm cả số lượng dự phòng công chức hành chính và viên chức sự nghiệp), UBND Thành phố thống nhất với Thường trực HĐND Thành phố trước khi thực hiện và báo cáo HĐND Thành phố vào kỳ họp trong năm 2018.

2. Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

### 3. Về sắp xếp tổ chức bộ máy

- Tiếp tục hoàn thành sắp xếp các cơ quan đơn vị: Đội Thanh tra Xây dựng quận huyện thị xã, các Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp, Trung tâm Điều hành và giám sát công nghệ thông tin Thành phố. Chủ động sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII.

- Đẩy mạnh chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp (đặc biệt là giáo dục, y tế) sang cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Xác định rõ lộ trình chuyển đổi phù hợp với lộ trình tinh giản biên chế đến năm 2021.

### 4. Về quản lý, sử dụng biên chế

- Thường xuyên rà soát, điều chỉnh đề án vị trí việc làm cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn quản lý, để đề án vị trí việc làm thực sự phát huy tối đa hiệu quả. Yêu cầu cơ quan, đơn vị xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm đã được Thành phố phê duyệt; rà soát cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm để sắp xếp, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, ... nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Đổi mới công tác tuyển dụng công chức, viên chức theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII, trong đó đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tin học vào tuyển dụng công chức, viên chức, đảm bảo tối đa nguyên tắc cạnh tranh khách quan, công bằng, minh bạch, thực tài, chống tiêu cực trong thi cử, nâng cao chất lượng đầu vào của công chức, viên chức. Giao UBND Thành phố chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị điều chuyển công chức, viên chức từ nơi thừa sang nơi thiếu trước khi tuyển dụng.

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo chương trình, kế hoạch đề ra, trong đó coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, kỹ năng xử lý công việc, tác phong công tác, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cán bộ, công chức, viên chức.

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, đề cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện tinh giản biên chế. Tiếp tục kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép ban hành cơ chế đặc thù của Thành phố khuyến khích các đối tượng tự nguyện nghỉ tinh giản biên chế.

- Nâng cao chất lượng đánh giá công chức, viên chức; nghiên cứu tiêu chí định lượng trong việc đánh giá trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật và bổ nhiệm cán bộ. Thực hiện đánh giá hàng tháng, quý, 6 tháng và một năm nhằm đánh giá đúng người, đúng việc và khen thưởng, kỷ luật kịp thời.

- Tập trung giải pháp công nghệ thông tin để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản lý nhà nước. Có bước đi phù hợp tiến tới tích hợp dữ liệu dùng chung, đồng bộ trên toàn Thành phố.

### 5. Về công tác thanh, kiểm tra

Tăng cường thanh tra, kiểm tra về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, chế độ chính sách cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị để thực hiện đúng quy định; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những thiếu sót, sai phạm.

**Điều 3.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XV, kỳ họp thứ Năm thông qua ngày tháng 12 năm 2017./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác ĐB của QH; VPQH; VPCP;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND TP, UBMTTQ TP;
- Các đại biểu HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các cơ quan thông tấn, báo chí;
- Các VP: Thành ủy, HĐND TP, UBND TP;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Bích Ngọc**